

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 175/2020/DS-PT

Ngày: 23 – 9 – 2020

V/v: “Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK**

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Lê Thị Thanh Huyền.

Các Thẩm phán: Ông Doãn Đình Quyến;

Ông Trần Anh Tuấn.

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Trang: Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk: Bà Nguyễn Thị Hải Anh - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 23/9/2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 168/2020/TLPT-DS ngày 26/8/2020 về việc “Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 27/2020/DS-ST ngày 16/7/2020 của Tòa án nhân dân huyện Krông Năng bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 194/2020/QĐ-PT ngày 27/8/2020, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Nguyễn Thành V, sinh năm 1980; trú tại: thôn B, xã K, huyện G, tỉnh Đắk Lắk; vắng mặt.

Người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn (theo giấy uỷ quyền số 1384 ngày 17/02/2020): Ông Y A T Niê; trú tại: Số 306 đường N, thành phố T, tỉnh Đắk Lắk; có mặt.

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Ông Nguyễn Tiến T – Luật sư văn phòng luật sư B thuộc Đoàn luật sư tỉnh Đắk Lắk; có mặt.

2. Bị đơn: Công ty TNHH phát triển nông nghiệp A; trụ sở: Tổ dân phố H, thị trấn K, huyện N, tỉnh Đắk Lắk.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Mậu C – Chức vụ: Giám đốc.

Người đại diện theo uỷ quyền (theo giấy uỷ quyền ngày 16/4/2020): Ông Nguyễn Huy H; trú tại: Số 85 đường C, phường D, thành phố T, tỉnh Đắk Lắk; có đơn xin xét xử vắng mặt.

3. Người làm chứng: Ông Trần V1; trú tại: tổ dân phố B, thị trấn K, huyện N, tỉnh Đắk Lắk; vắng mặt.

4. Người kháng cáo: Ông Nguyễn Thành V; là nguyên đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN

*** Nguyên đơn ông Nguyễn Thành V và người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn ông Y A T Niê trình bày:**

Ngày 16/3/2019, Công ty TNHH phát triển nông nghiệp A (gọi tắt là Công ty A) với ông Nguyễn Thành V ký kết hợp đồng thu mua nông sản số 004/2018 NN-CN/DL, với nội dung:

Công ty A đồng ý mua cà tím giá xô của ông Nguyễn Thành V mặt hàng cà tím Ce1 mà ông Nguyễn Thành V trồng theo quy cách như sau: Cà Ce1 (trái nhỏ), chiều dài trái 5,5-6,5cm, trọng lượng 25-45gr/ trái, tiêu chuẩn khác: da, cuống, đài bị da cám không quá 50%, da trầy sứt không quá 20%, không bị sâu bệnh, chai, già, thối..., diện tích: 1,5ha, đơn giá 7.000đồng/kg.

Công ty A có trách nhiệm thu mua toàn bộ nguyên liệu đạt chuẩn do ông V làm ra cho đến khi kết thúc hợp đồng và thanh toán toàn bộ cho ông V vào thứ 6 hàng tuần bằng phương thức tiền mặt hoặc chuyển khoản.

Trong trường hợp, ông V không thực hiện đúng cam kết trong hợp đồng thì công ty A sẽ được quyền đơn phương chấm dứt hợp đồng thu mua sản phẩm. Nếu công ty A phát hiện ông V bán sản phẩm ra ngoài, không tuân thủ theo điều khoản giao hàng theo hợp đồng thì công ty có quyền đơn phương chấm dứt hợp đồng và ông V phải bồi thường cho công ty số tiền 50.000.000 đồng/ha. Còn nếu công ty A không có trách nhiệm thu mua toàn bộ nguyên liệu chuẩn do ông V làm ra, cho đến khi kết thúc hợp đồng thì công ty cũng phải bồi thường cho ông V số tiền 50.000.000 đồng/ha. Hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2019, tính từ ngày ký. Trong thời gian thực hiện hợp đồng, nếu:

Công ty ngừng nhận hàng trước khi đủ số lượng thì công ty sẽ thông báo trước thời gian cho bên bán trước 15 ngày. Khi đó, hai bên sẽ bàn bạc và thỏa thuận số lượng dự kiến còn lại và giá trị hợp đồng để tránh thiệt hại cho các bên.

Bên bán giao đủ số lượng cho bên mua trước thời gian hết hiệu lực của hợp đồng, khi đó bên bán vẫn còn thu hoạch và bên mua vẫn còn nhu cầu thì hai bên sẽ bàn bạc lại đơn giá thu mua của hợp đồng và được bổ sung bằng phụ kiện hợp đồng.

Thực hiện hợp đồng thì ông V đã trồng loại Cà Ce1 (trái nhỏ) trên diện tích đất 1,5ha. Đồng thời, chấp hành đúng quy trình trồng trọt, thu hoạch do công ty đề ra. Nhưng thực tế đến ngày 09/7/2019 thì công ty mới giao cây giống. Mặc dù, công ty giao giống chậm so với hợp đồng là 75 ngày nhưng công ty cam kết sẽ kéo dài thời gian việc thu mua nguyên liệu theo hợp đồng thêm 75 ngày nên ông V đồng ý.

Những đợt thu mua đầu tiên thì công ty thực hiện đúng cam kết và thanh toán đầy đủ cho ông V. Tuy nhiên, đến ngày 02/02/2020 thì công ty vi phạm hợp đồng, ngừng thu mua nguyên liệu cà tím mà ông V trồng, không thanh toán số tiền thu mua nguyên liệu cho ông V, cụ thể:

+ Ngày 21/12/2019: 674kg x 7.000 đồng/kg = 4.718.000 đồng

+ Ngày 27/12/2019: 390kg x 7.000 đồng/kg = 2.730.000 đồng;

+ Ngày 12/01/2020: 294kg x 7.000 đồng/kg = 2.058.000 đồng;

- + Ngày 14/01/2020: $210\text{kg} \times 7.000 \text{ đồng/kg} = 1.470.000 \text{ đồng};$
- + Ngày 16/01/2020: $243\text{kg} \times 7.000 \text{ đồng/kg} = 1.701.000 \text{ đồng};$
- + Ngày 18/01/2020: $187\text{kg} \times 7.000 \text{ đồng/kg} = 1.309.000 \text{ đồng};$
- + Ngày 22/01/2020: $182\text{kg} \times 7.000 \text{ đồng/kg} = 1.274.000 \text{ đồng};$
- + Ngày 28/01/2020: $125\text{kg} \times 7.000 \text{ đồng/kg} = 875.000 \text{ đồng};$
- + Ngày 01/02/2020: $65\text{kg} \times 7.000 \text{ đồng/kg} = 455.000 \text{ đồng}.$

Việc công ty A vi phạm nghĩa vụ thu mua và không thanh toán theo hợp đồng cho ông V là xâm phạm quyền và lợi ích hợp pháp của ông V. Vì vậy, ông Nguyễn Thành V đã khởi kiện yêu cầu Công ty A phải thanh toán cho ông Nguyễn Thành V số tiền thu mua cà tím là 16.590.000 đồng và bồi thường số tiền 75.000.000 đồng do không tiếp tục thực hiện hợp đồng.

*** Người đại diện theo uỷ quyền của bị đơn là ông Nguyễn Huy H trình bày:**

Đối với yêu cầu buộc công ty A thanh toán cho ông Nguyễn Thành V số tiền 16.590.000 đồng tiền mua cà và bồi thường 75.000.000 đồng do không tiếp tục thực hiện hợp đồng là hoàn toàn toàn không có căn cứ nên không chấp nhận, vì:

Về số tiền 16.590.000 đồng thì công ty A chỉ chấp nhận thanh toán số tiền 10.052.000 đồng của các phiếu thu cà tím của ông V cung cấp, có đóng dấu tròn xác nhận của công ty tương ứng các ngày sau:

- + Phiếu ngày 21/12/2019: $674\text{kg} \times 7000\text{đ/kg} = 4.718.000 \text{ đồng};$
- + Phiếu ngày 27/12/2019: $390\text{kg} \times 7000\text{đ/kg} = 2.730.000 \text{ đồng};$
- + Phiếu ngày 22/01/2020: $182\text{kg} \times 7000\text{đ/kg} = 1.274.000 \text{ đồng};$
- + Phiếu ngày 28/01/2020: $125\text{kg} \times 7000\text{đ/kg} = 875.000 \text{ đồng};$
- + Phiếu ngày 01/02/2020: $65\text{kg} \times 7000\text{đ/kg} = 455.000 \text{ đồng}.$

Về việc ông Nguyễn Thành V yêu cầu công ty A bồi thường số tiền 75.000.000 đồng do không tiếp tục thực hiện hợp đồng thì tôi có ý kiến như sau:

Thứ nhất: Trong quá trình thực hiện hợp đồng công ty A đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ mà các bên đã ký. Theo đó, công ty A chỉ có trách nhiệm thu mua hàng hóa của hộ ông V đến hết ngày 31/12/2019. Khi hết thời gian thực hiện hợp đồng là ngày 31/12/2019, ông V vẫn còn sản lượng cà thì công ty đã tiếp tục hỗ trợ mua sản lượng đến ngày 01/02/2020. Mặt khác, không có việc công ty giao chậm cây giống như người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn trình bày.

Thứ hai: Giữa công ty A và ông V không thỏa thuận kéo dài hợp đồng thêm 75 ngày, do giao nhận cây giống chậm.

Do đó, công ty TNHH phát triển Nông nghiệp A không đồng ý về việc yêu cầu bồi thường như trên. Đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

*** Tại biên bản lấy lời khai, người làm chứng ông Trần V1 trình bày:**

Tôi là tài xế lái xe chở hàng cho ông Nguyễn Mậu C, là giám đốc của công ty TNHH phát triển Nông nghiệp A từ thời điểm giữa năm 2019, đến đầu năm 2020 thì tôi nghỉ việc. Tôi thừa nhận có xuống vườn của ông Nguyễn Thành V để nhận sản phẩm là Cà tím và đi cùng tôi là anh C (tôi không biết họ tên đây, địa chỉ, chỉ biết anh C ở tại thành phố T).

Qua những lần nhận cà tím của anh V thì tôi là người ghi số lượng, nội dung vào phiếu thu mua của công ty. Anh V là người kiểm tra chất lượng, quy cách của cà tím. Khi nhận cà tím thì tôi đều viết vào phiếu thu mua (một bản đưa cho ông V, một bản đưa về công ty).

Về các phiếu thu mua cà tím ngày 12/01/2020, ngày 14/01/2020 có đóng dấu vuông của công ty và phiếu thu mua cà tím ngày 16/01/2020, ngày 18/01/2020 không có dấu của công ty thì tôi thừa nhận nội dung chữ viết trong những phiếu này đều là do tôi viết ra. Biểu mẫu của các phiếu là biểu mẫu của công ty, còn việc đóng dấu tròn hay vuông vào phiếu hay không thì tôi không nhớ rõ.

*** *Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 27/2020/DS-ST ngày 16/7/2020 của Tòa án nhân dân huyện Krông Năng đã quyết định:***

Căn cứ: Khoản 1 Điều 6; khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 91; khoản 2 Điều 92; khoản 1 Điều 147; khoản 2 Điều 229 và Điều 266 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 430; Điều 434 và Điều 440 của Bộ luật dân sự; Nghị quyết 326 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của UBTVQH quy định về án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Thành V.

Buộc công ty TNHH phát triển nông nghiệp A phải thanh toán cho ông Nguyễn Thành V số tiền 13.580.000 đồng.

2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Thành V về việc buộc công ty TNHH phát triển nông nghiệp A phải thanh toán số tiền 3.010.000 đồng và bồi thường số tiền 75.000.000 đồng.

Ngoài ra Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên về quyền và nghĩa vụ thi hành án, quyền kháng cáo cho các đương sự theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 31/7/2020 nguyên đơn ông Nguyễn Thành V kháng cáo với nội dung: Tòa án cấp sơ thẩm chỉ chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông V buộc Công ty TNHH Phát triển nông nghiệp A phải thanh toán cho ông V 13.580.000đồng, không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện về việc buộc Công ty A phải thanh toán cho ông V số tiền 3.010.000đồng và bồi thường số tiền 75.000.000đồng là chưa xem xét, đánh giá chứng cứ khách quan, đầy đủ, làm ảnh hưởng đến quyền lợi của ông V. Yêu cầu cấp phúc thẩm xét xử theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn vẫn giữ nguyên nội dung đơn khởi kiện và đơn kháng cáo. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk phát biểu quan điểm:

Về thủ tục tố tụng: trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử phúc thẩm cũng như các đương sự đã tuân thủ đúng với qui định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị HĐXX áp dụng khoản 2 Điều 308; Điều 309 của Bộ luật tố tụng dân sự: Chấp nhận một phần đơn kháng cáo của nguyên đơn ông Nguyễn Thành V – Sửa Bản án số 27/2020/DS-ST ngày 16/7/2020 của Tòa án nhân dân huyện Krông Năng

theo hướng chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc Buộc Công ty A phải thanh toán cho ông V số tiền 16.590.000đồng. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc buộc Công ty A phải bồi thường số tiền 75.000.000đồng.

*** Người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn trình bày quan điểm:**

Về số tiền 16.590.000 đồng mà công ty đã nợ của ông Nguyễn Thành V là do việc bán cà tím qua các lần mà công ty đã mua. Biểu mẫu của các phiếu mua hàng là của công ty và chữ viết về tên khách hàng, số lượng, ngày tháng là người của công ty viết nên yêu cầu của ông Nguyễn Thành V là có căn cứ. Theo hợp đồng thì thời gian trồng cà Ce1 là ngày 27/4/2019 nhưng công ty lại giao vào ngày 09/7/2019 là chậm so với hợp đồng 75 ngày. Việc công ty A giao cây giống chậm so với hợp đồng là lỗi của công ty và công ty phải có trách nhiệm gia hạn thời hạn thu hoạch cho ông V. Theo mục 2 của Điều 6 hợp đồng quy định: Bên A (bên mua) phải có trách nhiệm mua tất cả nguyên liệu cà tím mà bên B (bên bán) làm ra. Sau ngày 01/02/2020 thì công ty ngưng việc mua cà tím của ông V là đã vi phạm hợp đồng nên căn cứ vào mục 2.3 của Điều 2 hợp đồng công ty phải bồi thường cho ông Nguyễn Thành V 75.000.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, ý kiến của các đương sự, của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Đơn kháng cáo của nguyên đơn ông Nguyễn Thành V trong hạn luật định và đã nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm, nên vụ án được giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Tại mục 4.2 Điều 4 của Hợp đồng thu mua nông sản số 004/2018 NN-CN/DL ngày 16/3/2019, các bên thỏa thuận lựa chọn Tòa án nhân dân thành phố Hồ Chí Minh giải quyết tranh chấp. Thấy rằng, bị đơn có trụ sở cũng như nơi thực hiện hợp đồng đều tại huyện N, Đắk Lắk, nguyên đơn trú tại Đắk Lắk. Do đó, việc thỏa thuận TAND TP. HCM có thẩm quyền giải quyết tranh chấp là không phù hợp với quy định tại điểm b khoản 1 Điều 39 của BLTTDS. Nguyên đơn nộp đơn khởi kiện tại TAND huyện Krông Năng, bị đơn không phản đối. Do đó, TAND huyện Krông Năng thụ lý giải quyết đúng thẩm quyền, phù hợp với quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 39; điểm g khoản 1 Điều 40 của BLTTDS.

[2] Về nội dung:

[2.1] Xét yêu cầu khởi kiện.

[2.1.1] Xét yêu cầu của nguyên đơn buộc bị đơn phải trả 16.590.000 đồng. Hội đồng xét xử thấy: Ngày 16/3/2019, ông Nguyễn Thành V và Công ty A ký kết hợp đồng thu mua nông sản số 004/2018 NN-CN/D. Tại điểm 1.3 Điều 1 của Hợp đồng các bên thỏa thuận “ *Bên A sẽ thanh toán cho bên B vào ngày thứ 6 hàng tuần bằng phương thức tiền mặt hoặc chuyển khoản, thời gian tính từ ngày bên A lập phiếu kê mua hàng*”. Nguyên đơn cung cấp các phiếu thu mua cà tím hàng ngày mang tên ông V, cụ thể: Ngày 21/12/2019 thu 674kg; ngày 27/12/2019 thu 390kg; ngày 12/01/2020 thu 294kg; ngày 14/01/2020 thu 210kg; ngày 16/01/2020 thu 243kg; ngày 18/01/2020 thu 187kg; ngày 22/01/2020 thu 182kg; ngày 28/01/2020 thu 125kg; ngày 01/02/2020 thu 65kg. Xét thấy,

tại mục 1.1 Điều 1 của hợp đồng các bên thỏa thuận đơn giá cà Cel (trái nhỏ) có giá 7.000đ/1kg, các phiếu thu mua cà tím hằng ngày mang tên anh V được Công ty thừa nhận các phiếu thu mua do Công ty Bảo an phát hành, được ông Trần V1 (tài xế lái xe chở hàng cho Công ty A) xác nhận với nội dung “*thời gian này có xuống vườn của ông V thu mua cà tím theo chỉ đạo của Giám đốc Công ty, phiếu thu trên có nội dung và chữ viết đều do ông V1 viết ra, mỗi lần thu mua cà thì ông V1 đều viết phiếu đưa cho ông V 01 bản và đưa về công ty 01 bản, việc có đóng dấu hay không thì ông không nhớ*”, từ ngày Công ty A cần thu mua cà của ông V đến nay Công ty không thanh toán là vi phạm điểm 1.3 Điều 1 của Hợp đồng. Do đó, nguyên đơn yêu cầu Công ty phải trả 16.590.000 đồng là có căn cứ, phù hợp với lời thừa nhận của ông V1 (Bút lục số 68); phù hợp với các phiếu thu mua cà tím hằng ngày do nguyên đơn cung cấp (Từ bút lục số 6 đến 10), phù hợp với Hợp đồng đồng thu mua nông sản số 004/2018 NN-CN/D (Bút lục số 13,14), phù hợp với Điều 440 của Bộ luật dân sự.

[2.1.2] Xét yêu cầu của nguyên đơn buộc Công ty A phải bồi thường số tiền 75.000.000đồng. Thấy rằng: Tại điểm 3.1 Điều 3 của hợp đồng các bên thỏa thuận “*Hợp đồng này có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2019, tính từ ngày ký.*”

- *Sau thời gian hết hạn hợp đồng mà bên B vẫn còn thu hoạch nhưng chưa đủ số lượng và bên A vẫn còn nhu cầu thì hai bên sẽ bàn bạc lại đơn giá thu mua của Hợp đồng và được bổ sung bằng phụ kiện Hợp đồng”*

Tại điểm 3.2 Điều 3 của Hợp đồng các bên thỏa thuận “Khi hết thời hiệu hợp đồng hai bên đối chiếu công nợ nhưng chưa giải quyết hết thì hợp đồng chưa được thanh lý”

Tại Điều 6 của hợp đồng các bên thỏa thuận “*Sau khi kết thúc Hợp đồng trong vòng ba mươi (30) ngày, nếu hai bên không có vấn đề tranh chấp thì Hợp đồng mặc nhiên sẽ được thanh lý*”. Như vậy, có căn cứ xác định ngày kết thúc hợp đồng là ngày 31/12/2019 Nguyên đơn, cho rằng ngày 09/7/2019, Công ty A mới giao giống cây là chậm so với hợp đồng 75 ngày, tuy nhiên, Công ty A cam kết kéo dài thời gian giao thu mua nguyên liệu thêm 75 ngày nhưng không có tài liệu, chứng cứ chứng minh, (phụ kiện hợp đồng) không được bị đơn thừa nhận. Do đó, có căn cứ xác định bị đơn không vi phạm điều kiện xử phạt được các bên thỏa thuận tại điểm 2.3 Điều 2 của Hợp đồng nên không có căn cứ để chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về việc buộc bị đơn phải bồi thường 75.000.000đ.

[3] Xét lời khai nại của bị đơn cho rằng chỉ chấp nhận thanh toán 10.052.000 đồng của các phiếu thu có dấu tròn xác nhận, còn đối với số tiền 6.538.000đồng được thể hiện tại các phiếu thu ngày 12/01/2020, ngày 14/01/2020, 16/01/2020 và ngày 18/01/2020 không có dấu tròn của Công ty bị đơn không chấp nhận lý do không có dấu tròn xác nhận. HĐXX, thấy rằng: Bị đơn thừa nhận các phiếu thu mua cà tím hằng ngày mang tên ông V do Công ty A phát hành, chữ viết trong các phiếu là của ông Trần V1 (tài xế lái xe chở hàng cho Công ty A), tại phần ghi chú của các phiếu thể hiện “*Khách hàng phải giữ lại phiếu thu khi nhận thanh toán tiền, mất phiếu thu sẽ không được thanh toán tiền*”, không có thỏa thuận phiếu thu không có dấu tròn không được thanh toán. Do đó, không có căn cứ để chấp nhận lời khai nại của bị đơn mà cần buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn số tiền 16.590.000 như đã phân tích tại [2.1.1].

Xét lời khai nại của bị đơn về việc không đồng ý với yêu cầu của nguyên đơn buộc bị đơn phải bồi thường 75.000.000đ là có căn cứ như phân tích tại [2.1.2] cần chấp nhận.

[4] Xét kháng cáo của nguyên đơn, thấy rằng: Bản án sơ thẩm chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc công ty TNHH phát triển nông nghiệp A phải thanh toán cho ông Nguyễn Thành V số tiền 13.580.000 đồng là chưa phù hợp như đã nhận định phân tích tại [2.1.1]. Do đó, cần chấp nhận một phần kháng cáo của nguyên đơn cần sửa một phần Bản án dân sự sơ thẩm số 27/2020/DS-ST ngày 16/7/2020 của Tòa án nhân dân huyện Krông Năng, tỉnh Đắk Lắk theo hướng buộc bị đơn có nghĩa vụ phải thanh toán cho nguyên đơn 16.590.000; không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Thành V về việc buộc công ty TNHH phát triển nông nghiệp A phải bồi thường số tiền 75.000.000 đồng.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ khoản 4 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án:

Do ông V được chấp nhận yêu cầu kháng cáo buộc Công ty A thanh toán 16.590.000 đồng nên cần sửa lại án phí dân sự sơ thẩm, buộc Công ty TNHH phát triển nông nghiệp A phải chịu 829.500 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Ông V không được chấp nhận yêu cầu khởi kiện buộc Công ty A bồi thường số tiền 75.000.000 đồng nên ông V phải chịu 3.750.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

[6] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do được chấp nhận một phần kháng cáo nên nguyên đơn ông Nguyễn Thành V không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

[7] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm, không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 2 Điều 308; Điều 309 của Bộ luật Tố tụng Dân sự: Chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn ông Nguyễn Thành V. Sửa Bản án số 27/2020/DS-ST ngày 16/7/2020 của Tòa án nhân dân huyện Krông Năng;

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 39; điểm g khoản 1 Điều 40; khoản 1 Điều 147; khoản 2 Điều 229 và khoản 2 Điều 266 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 430; Điều 434 và Điều 440 của Bộ luật dân sự;

Áp dụng khoản 2 Điều 29; khoản 4 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Thành V.

Buộc Công ty TNHH phát triển nông nghiệp A phải thanh toán cho ông Nguyễn Thành V số tiền 16.590.000 đồng (mười sáu triệu năm trăm chín mươi nghìn đồng).

2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Thành V về việc buộc Công ty TNHH phát triển nông nghiệp A phải bồi thường số tiền 75.000.000 đồng (bảy mươi lăm triệu đồng)

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

3. Về án phí.

- Án phí dân sự sơ thẩm: Buộc Công ty TNHH phát triển nông nghiệp A phải chịu 829.500 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Buộc ông Nguyễn Thành V phải chịu 3.750.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 2.275.000 đồng mà ông Y A T Niê đã nộp thay theo Biên lai thu tạm ứng án phí số 0002904 ngày 20/02/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Krông Năng. Ông Nguyễn Thành V còn phải nộp tiếp 1.475.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

- Án phí dân sự phúc thẩm: Ông Nguyễn Thành V không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Số tiền 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí do ông Nguyễn Tiến T nộp thay theo biên lai số AA/2019/0009301 ngày 14/8/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện N được khấu trừ vào số tiền án phí DSST ông V phải chịu.

4. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án dân sự phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- TAND huyện Krông Năng;
- Chi cục THADS huyện N;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Lê Thị Thanh Huyền